

ẢNH HƯỞNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN VIỆC HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ

VŨ THANH HÒA

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long

Nhận bài ngày 08/5/2026. Sửa chữa xong 20/6/2026. Duyệt đăng 29/6/2026.

Abstract

The widespread use of social media has transformed how university students learn English beyond the classroom. This study investigates its influence on the English learning of Chinese-major students at a university. A mixed-methods approach was employed, using questionnaires and semi-structured interviews to examine students' social media use, perceptions, and learning experiences. The findings show that platforms such as Facebook, TikTok, YouTube, and Instagram provide authentic language input, increase motivation, and improve vocabulary, listening, and communication skills. However, distractions and inconsistent learning habits may reduce learning effectiveness. Overall, social media can be an effective supplementary tool for English learning when used purposefully, offering valuable implications for integrating social media into language learning.

Keywords: Social media, English language learning, non-English-major students, Chinese-major students, higher education.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội (MXH) đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống và học tập của sinh viên (SV). Bên cạnh vai trò là công cụ kết nối và giải trí, các nền tảng như Facebook, TikTok, YouTube và Instagram còn cung cấp nguồn học liệu phong phú, tạo điều kiện để người học tiếp cận tiếng Anh thông qua các ngữ liệu chân thực và đa dạng. Nhờ đó, việc học Tiếng Anh không còn giới hạn trong không gian lớp học mà được mở rộng sang môi trường học tập trực tuyến với nhiều hình thức linh hoạt và tương tác. Đối với SV không chuyên tiếng Anh, đặc biệt là SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, tiếng Anh là môn học bổ trợ nhưng đóng vai trò quan trọng trong học tập, nghiên cứu và cơ hội nghề nghiệp. Tuy nhiên, do thời lượng học trên lớp còn hạn chế và động lực học tập chưa cao, nhiều SV gặp khó khăn trong việc duy trì việc học và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Trong bối cảnh đó, MXH được xem là một công cụ hỗ trợ tiềm năng, giúp tăng cơ hội tiếp xúc với tiếng Anh, mở rộng vốn từ vựng, cải thiện kỹ năng nghe và giao tiếp, đồng thời nâng cao hứng thú học tập. Mặc dù vậy, việc sử dụng MXH cũng tiềm ẩn những hạn chế như gây xao nhãng, làm giảm khả năng tập trung và hình thành thói quen học tập thiếu nhất quán nếu không được định hướng phù hợp. Thực tế cho thấy đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến vai trò của MXH trong học tập ngoại ngữ, song các nghiên cứu tập trung vào đối tượng SV không chuyên tiếng Anh, đặc biệt là SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại các trường đại học ở Việt Nam vẫn còn hạn chế. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của MXH đến việc học Tiếng Anh của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại một trường đại học. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ những tác động tích cực và hạn chế của việc sử dụng MXH trong học tập, đồng thời đề xuất một số hàm ý nhằm khai thác hiệu quả các nền tảng MXH trong dạy và học Tiếng Anh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và định tính nhằm đánh giá toàn diện ảnh hưởng của MXH đến việc học Tiếng Anh của SV ngành Ngôn

Email: vuthanhhoa@daihochalong.edu.vn

ngữ Trung Quốc tại một trường đại học.

Đối tượng nghiên cứu gồm 95 SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đang theo học học phần Tiếng Anh. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling) dựa trên sự sẵn sàng tham gia của SV. Bên cạnh đó, 10 SV được lựa chọn để tham gia phỏng vấn bán cấu trúc nhằm thu thập thông tin chi tiết về trải nghiệm học tập và quan điểm đối với việc sử dụng MXH trong học Tiếng Anh.

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng hỏi gồm ba phần: 1) Thông tin cá nhân; 2) Thói quen và mức độ sử dụng các nền tảng MXH (Facebook, TikTok, YouTube và Instagram) cho việc học Tiếng Anh; 3) Nhận thức của SV về ảnh hưởng của MXH đến động lực học tập, vốn từ vựng, kỹ năng nghe, kỹ năng giao tiếp và hiệu quả học tập. Các mục khảo sát được xây dựng theo thang đo Likert 5 mức, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

Dữ liệu định tính được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc nhằm làm rõ kết quả khảo sát, đồng thời tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm của SV khi sử dụng MXH để học Tiếng Anh.

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS với các thống kê mô tả như tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Dữ liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis), trong đó các ý kiến của người tham gia được mã hóa, phân loại và tổng hợp thành các chủ đề phản ánh ảnh hưởng của MXH đối với việc học Tiếng Anh. Việc kết hợp hai nguồn dữ liệu giúp tăng độ tin cậy của kết quả nghiên cứu và cung cấp cái nhìn toàn diện về vai trò của MXH trong học tập ngoại ngữ.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm có liên quan

3.1.1. Mạng xã hội

Mạng xã hội (social media) là sản phẩm của công nghệ Web 2.0, cho phép người dùng kết nối, trao đổi thông tin và chia sẻ nội dung trực tuyến. Theo Kaplan và Haenlein (2010), MXH là các ứng dụng Internet trên nền tảng Web 2.0 cho phép người dùng tạo lập và chia sẻ nội dung do chính họ tạo ra (user-generated content), nhấn mạnh tính tương tác, sự tham gia chủ động và khả năng hình thành cộng đồng trực tuyến.

Theo Kietzmann và cộng sự (2011), MXH không chỉ là công cụ truyền tải thông tin mà còn là môi trường kết nối, chia sẻ tri thức và tương tác theo thời gian thực. Trong giáo dục, Tess (2013) cho rằng MXH tạo ra môi trường học tập mở, thúc đẩy sự hợp tác, giao tiếp và chia sẻ học liệu, giúp người học tiếp cận kiến thức ở mọi lúc, mọi nơi. Trong lĩnh vực học ngoại ngữ, Kabilan, Ahmad và Abidin (2010) khẳng định Facebook hỗ trợ phát triển vốn từ vựng, kỹ năng viết và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh. Al-Ali (2014) cũng cho rằng các nền tảng chia sẻ hình ảnh và video giúp tăng động lực học tập và mở rộng cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ. Hiện nay, TikTok và YouTube còn cung cấp nguồn ngữ liệu xác thực, hỗ trợ phát triển các kỹ năng tiếng Anh trong bối cảnh giao tiếp tự nhiên. Trong nghiên cứu này, MXH được hiểu là các nền tảng như Facebook, TikTok, YouTube và Instagram được SV sử dụng để hỗ trợ học Tiếng Anh ngoài lớp học, góp phần mở rộng cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ, phát triển kỹ năng tiếng Anh và nâng cao năng lực tự học.

3.1.2. Học Tiếng Anh thông qua mạng xã hội

Học Tiếng Anh thông qua MXH là quá trình người học sử dụng các nền tảng trực tuyến để tiếp cận, thực hành và phát triển năng lực tiếng Anh ngoài lớp học. Người học có thể chủ động lựa chọn nội dung và hình thức học tập thông qua việc xem video, theo dõi các kênh học Tiếng Anh, tham gia cộng đồng học tập hoặc tương tác bằng tiếng Anh.

Theo Kabilan, Ahmad và Abidin (2010), MXH tạo ra môi trường học tập không chính thức, giúp người học sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thực tế, từ đó phát triển vốn từ vựng, kỹ năng giao tiếp và sự tự tin. Tess (2013) cũng cho rằng MXH tăng cường sự tương tác, hợp tác và mở

rộng cơ hội học tập ngoài lớp học. Greenhow và Lewin (2016) nhấn mạnh vai trò của MXH trong việc thúc đẩy học tập lấy người học làm trung tâm, khuyến khích tự học và chia sẻ tri thức. Bên cạnh đó, Al-Ali (2014) khẳng định các nền tảng chia sẻ hình ảnh và video góp phần tăng động lực học tập, tạo cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ xác thực và phát triển kỹ năng giao tiếp. Trong nghiên cứu này, học Tiếng Anh qua MXH được hiểu là việc SV sử dụng Facebook, TikTok, YouTube và Instagram để tiếp cận học liệu, rèn luyện các kỹ năng tiếng Anh và tăng cường tự học ngoài lớp học.

3.1.3. Ảnh hưởng của mạng xã hội đến việc học Tiếng Anh

Đây là những tác động của việc sử dụng các nền tảng trực tuyến đối với quá trình học tập và phát triển năng lực ngôn ngữ. Theo Tess (2013), MXH tạo ra môi trường học tập mở, tăng cường tương tác và mở rộng cơ hội tiếp cận học liệu ngoài lớp học. Greenhow và Lewin (2016) cũng cho rằng MXH thúc đẩy tự học, chia sẻ tri thức và học tập lấy người học làm trung tâm. Nhiều nghiên cứu đã ghi nhận những tác động tích cực của MXH đối với việc học ngoại ngữ. Kabilan, Ahmad và Abidin (2010) cho rằng Facebook góp phần phát triển vốn từ vựng, khả năng giao tiếp và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh. Al-Ali (2014) cũng chỉ ra rằng các nền tảng chia sẻ hình ảnh và video giúp tăng động lực học tập và mở rộng cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ xác thực. Bên cạnh đó, YouTube và TikTok hỗ trợ cải thiện kỹ năng nghe, phát âm và giao tiếp thông qua các tình huống thực tế. Tuy nhiên, việc sử dụng MXH cũng có thể gây mất tập trung, giảm khả năng quản lý thời gian và ảnh hưởng đến hiệu quả học tập nếu người học thiếu định hướng (Junco, 2012). Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của MXH được đánh giá trên 5 khía cạnh: 1) Động lực học tập; 2) Phát triển vốn từ vựng; 3) Kỹ năng nghe; 4) Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh; 5) Hiệu quả học tập tổng thể.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Thực trạng sử dụng mạng xã hội trong học Tiếng Anh

Kết quả khảo sát 95 SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc cho thấy 100% người tham gia sử dụng ít nhất một nền tảng MXH để hỗ trợ học Tiếng Anh. Điều này phản ánh MXH đã trở thành công cụ quan trọng trong hoạt động tự học ngoại ngữ, góp phần mở rộng môi trường học tập từ lớp học truyền thống sang môi trường số và giúp SV tiếp cận nguồn học liệu phong phú ngoài giáo trình.

Về tần suất sử dụng, có 34 SV (35,8%) sử dụng MXH hằng ngày để học Tiếng Anh, 41 SV (43,2%) sử dụng từ 3-5 lần mỗi tuần, 15 SV (15,8%) từ 1-2 lần mỗi tuần và chỉ 5 SV (5,2%) ít khi sử dụng. Như vậy, 78/95 SV (82,1%) sử dụng MXH ít nhất ba lần mỗi tuần cho mục đích học Tiếng Anh. Kết quả này cho thấy MXH không chỉ là công cụ giải trí mà đã trở thành nguồn học liệu bổ trợ thường xuyên, đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt mọi lúc, mọi nơi.

Xét theo từng nền tảng, YouTube được sử dụng nhiều nhất với 87 SV (91,6%), tiếp theo là TikTok với 82 SV (86,3%), Facebook với 74 SV (77,9%) và Instagram với 46 SV (48,4%). YouTube được lựa chọn nhờ hệ thống bài giảng và video luyện nghe, phát âm chuyên sâu; TikTok nổi bật với các video ngắn giúp học từ vựng và mẫu câu; Facebook chủ yếu phục vụ chia sẻ tài liệu và trao đổi trong các nhóm học tập; còn Instagram hỗ trợ duy trì việc tiếp xúc với tiếng Anh qua các bài đăng và video ngắn. Kết quả cũng phản ánh sự thay đổi trong cách tiếp cận ngoại ngữ của SV. Thay vì chỉ dựa vào giáo trình, họ chủ động lựa chọn và kết hợp các nền tảng phù hợp với mục tiêu học tập. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mặc dù tiếng Anh là ngoại ngữ thứ hai, họ vẫn nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh đối với học tập và cơ hội nghề nghiệp. Nhờ kinh nghiệm học ngoại ngữ, SV biết khai thác các tính năng như phụ đề, danh sách phát và cộng đồng học tập trực tuyến để nâng cao hiệu quả học tập.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cũng cho thấy việc kết hợp nhiều nền tảng giúp đáp ứng các mục tiêu học tập khác nhau: YouTube hỗ trợ luyện nghe và phát âm, TikTok giúp ghi nhớ từ vựng và mẫu câu, Facebook tạo môi trường trao đổi học thuật còn Instagram duy trì sự tiếp xúc thường xuyên với tiếng Anh. Sự kết hợp này góp phần tạo môi trường học tập đa dạng, tăng cơ hội sử dụng ngôn ngữ và thúc đẩy quá trình tự học của SV.

3.2.2. Nhận thức của sinh viên về ảnh hưởng của mạng xã hội đến việc học Tiếng Anh

Kết quả phân tích bảng hỏi cho thấy SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có nhận thức tích cực về vai trò của MXH trong học Tiếng Anh. Điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 3,98 đến 4,41/5, đều cao hơn mức trung bình của thang đo (3,0), cho thấy người học đánh giá MXH là công cụ hỗ trợ học tập hiệu quả.

Tiêu chí “MXH giúp tôi tiếp cận nguồn học liệu tiếng Anh phong phú và chân thực” đạt điểm cao nhất ($M = 4,41$; $SD = 0,56$), với 89/95 SV (93,7%) đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Kết quả này cho thấy MXH cung cấp nguồn ngữ liệu đa dạng, cập nhật và gần với các tình huống giao tiếp thực tế. Các nền tảng như YouTube và TikTok mang đến hội thoại, bản tin và video đa phương tiện, giúp SV tiếp cận tiếng Anh trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Tiêu chí “MXH giúp tăng hứng thú và động lực học Tiếng Anh” đạt $M = 4,28$ ($SD = 0,61$), với 84 SV (88,4%) đồng ý. Qua phỏng vấn, nhiều SV cho biết các video ngắn, hình ảnh minh họa và thuật toán đề xuất nội dung phù hợp giúp họ duy trì hứng thú và hình thành thói quen học Tiếng Anh hằng ngày.

Đối với các kỹ năng ngôn ngữ, SV đánh giá MXH có tác động tích cực đến vốn từ vựng ($M = 4,23$; $SD = 0,59$), kỹ năng nghe ($M = 4,16$; $SD = 0,64$) và kỹ năng giao tiếp ($M = 4,05$; $SD = 0,67$). Có 81 SV (85,3%) cho rằng họ học được nhiều từ vựng và cách diễn đạt mới từ các video và bài đăng bằng tiếng Anh; 76 SV (80,0%) nhận thấy việc thường xuyên nghe người bản ngữ trên YouTube và TikTok giúp cải thiện khả năng nghe, phát âm và ngữ điệu; 72 SV (75,8%) cho biết họ tự tin hơn khi giao tiếp nhờ thường xuyên tiếp xúc với các mẫu hội thoại tự nhiên. Ngoài ra, 82 SV (86,3%) đồng ý rằng MXH giúp việc học Tiếng Anh linh hoạt hơn nhờ khả năng học ở mọi lúc, mọi nơi, trong khi 79 SV (83,2%) đánh giá các video ngắn trên TikTok và YouTube giúp ghi nhớ từ vựng và cách phát âm hiệu quả hơn so với chỉ học qua giáo trình. Điều này cho thấy MXH không chỉ là kênh tiếp nhận thông tin mà còn là môi trường học tập chủ động. Kết quả phỏng vấn cũng củng cố các số liệu định lượng. Phần lớn SV kết hợp nhiều nền tảng để phát triển các kỹ năng khác nhau như YouTube để luyện nghe và phát âm, TikTok để học từ vựng, Facebook để trao đổi tài liệu và Instagram để duy trì tiếp xúc với tiếng Anh. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, mặc dù tiếng Anh là ngoại ngữ thứ hai họ vẫn nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh trong học tập và nghề nghiệp. Vì vậy, họ chủ động khai thác các nền tảng số, sử dụng phụ đề song ngữ, lưu danh sách phát, theo dõi các kênh học thuật và tham gia cộng đồng học tập trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả tự học và phát triển năng lực tiếng Anh.

3.2.3. Kết quả phỏng vấn về trải nghiệm học Tiếng Anh qua mạng xã hội

Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc với 10 SV cho thấy phần lớn người tham gia có nhận thức tích cực về vai trò của MXH trong hỗ trợ học Tiếng Anh. Các ý kiến thống nhất với kết quả khảo sát định lượng, đồng thời làm rõ cách SV khai thác các nền tảng số để phát triển năng lực ngoại ngữ ngoài giờ học. Trước hết, đa số SV cho rằng MXH tạo ra môi trường tiếp xúc tiếng Anh liên tục, điều mà chương trình học chính khóa khó đáp ứng. Nhiều SV dành 20-60 phút mỗi ngày xem video tiếng Anh trên YouTube hoặc TikTok trong thời gian rảnh như khi di chuyển, nghỉ giữa các tiết học hoặc trước khi đi ngủ. Việc tiếp xúc thường xuyên giúp hình thành thói quen nghe và tiếp nhận ngôn ngữ tự nhiên thay vì chỉ học trước các kỳ kiểm tra. Một SV chia sẻ: “*Mỗi ngày em xem vài video ngắn bằng tiếng Anh trên TikTok. Ban đầu chỉ để giải trí nhưng dần dần em quen với cách phát âm và nhớ được nhiều từ mới mà không cần học thuộc.*” Điều này cho thấy MXH góp phần chuyển việc học từ theo thời điểm sang học tập thường xuyên, phù hợp với xu hướng học tập số. Bên cạnh đó, SV đánh giá cao khả năng cung cấp ngữ liệu chân thực và đa dạng của các nền tảng MXH. Thay vì chỉ tiếp cận các đoạn hội thoại trong giáo trình, họ được tiếp xúc với vlog, bản tin, podcast, phim ngắn và nhiều tình huống giao tiếp thực tế. Theo nhiều người tham gia, các nội dung này giúp hiểu rõ cách người bản ngữ sử dụng từ ngữ, ngữ điệu và biểu cảm trong từng ngữ cảnh. Một SV cho biết: “*Khi xem vlog du lịch hoặc video phỏng vấn trên YouTube, em học được nhiều cách diễn đạt tự nhiên mà sách không có.*” Điều này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa tiếng Anh học thuật và tiếng Anh giao tiếp. Một chủ đề khác được nhắc đến là hiệu quả của hình thức học trực quan. Phần lớn SV nhận định các video ngắn, hình ảnh minh họa và phụ đề song ngữ trên TikTok và YouTube giúp ghi nhớ từ vựng và mẫu câu nhanh hơn so với học qua danh sách từ. Thay vì

học từ riêng lẻ, họ tiếp thu từ mới thông qua ngữ cảnh và tình huống giao tiếp. Nhiều SV còn lưu video, tạo danh sách phát theo chủ đề như *Travel English*, *Daily Conversation* hoặc *Business English* để ôn tập khi cần. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy SV kết hợp nhiều nền tảng với các mục đích khác nhau. YouTube được ưu tiên để luyện nghe, phát âm và học chuyên sâu; TikTok hỗ trợ học từ vựng và mẫu câu; Facebook dùng để trao đổi tài liệu, tham gia nhóm học tập; còn Instagram giúp duy trì việc tiếp xúc với tiếng Anh qua các bài đăng và video ngắn. Việc khai thác linh hoạt các nền tảng tạo nên môi trường học tập đa dạng và có tính tương tác cao. Đáng chú ý, với đặc thù là SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, người tham gia đều nhận thức rõ vai trò của tiếng Anh như ngoại ngữ thứ hai phục vụ học tập và nghề nghiệp. Nhiều SV cho biết họ cần tiếng Anh để đọc tài liệu chuyên ngành, tra cứu nguồn học liệu quốc tế, giao tiếp với người nước ngoài và đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Một số SV chia sẻ rằng nhiều công ty yêu cầu ứng viên sử dụng đồng thời tiếng Trung và tiếng Anh nên họ chủ động tận dụng MXH để duy trì năng lực tiếng Anh. Ngoài ra, SV ngành ngôn ngữ thể hiện khả năng tự học và khai thác công nghệ khá tốt. Nhiều người biết lựa chọn các kênh học uy tín, sử dụng phụ đề song ngữ, điều chỉnh tốc độ phát video, lưu nội dung, tạo danh sách phát và theo dõi các kênh học thuật phù hợp với trình độ. Một số còn áp dụng phương pháp *shadowing* hoặc ghi chú từ vựng bằng ứng dụng điện thoại để ôn tập định kỳ. Điều này cho thấy hiệu quả của MXH không chỉ phụ thuộc vào nền tảng mà còn phụ thuộc vào khả năng tự định hướng và khai thác học liệu của người học.

Nhìn chung, kết quả phỏng vấn khẳng định MXH không chỉ hỗ trợ tiếp cận học liệu mà còn góp phần hình thành thói quen tự học, tăng động lực và mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, việc khai thác hiệu quả các nền tảng số tạo điều kiện phát triển đồng thời hai ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu học tập và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập.

3.2.4. Những hạn chế trong việc sử dụng mạng xã hội

Bên cạnh những tác động tích cực, nghiên cứu cũng ghi nhận một số hạn chế trong việc sử dụng MXH để học Tiếng Anh. Có 58/95 SV (61,1%) cho biết họ thường bị phân tán bởi các nội dung giải trí trong quá trình học. Điều này cho thấy tính đa chức năng của MXH vừa là lợi thế vừa là rào cản đối với việc học. Khi chuyển từ các video học Tiếng Anh sang nội dung giải trí do thuật toán đề xuất, người học dễ mất tập trung và kéo dài thời gian sử dụng. Một SV chia sẻ: *“Em thường vào YouTube để luyện nghe khoảng 20 phút nhưng sau đó lại xem thêm các video giải trí được đề xuất, nên thời gian học thực tế không nhiều như dự định.”* Điều này cho thấy hiệu quả học tập phụ thuộc đáng kể vào khả năng kiểm soát việc sử dụng MXH. Bên cạnh đó, 49 SV (51,6%) thừa nhận đôi khi dành nhiều thời gian lướt MXH hơn thời gian học theo kế hoạch. Mặc dù nhận thức được giá trị của các nền tảng này, việc duy trì kỷ luật học tập vẫn là thách thức. Đặc biệt, TikTok và Facebook với cơ chế cập nhật nội dung liên tục dễ khiến người học kéo dài thời gian sử dụng mà không đạt mục tiêu học tập. Ngoài ra, 36 SV (37,9%) cho biết họ chưa duy trì được thói quen học Tiếng Anh thường xuyên trên các nền tảng số. Kết quả phỏng vấn cho thấy nhiều SV chỉ học khi chuẩn bị kiểm tra hoặc khi gặp nội dung phù hợp, thay vì xây dựng lịch học cố định. Điều này cho thấy tính linh hoạt của MXH chỉ phát huy hiệu quả khi người học có khả năng tự quản lý và duy trì động lực. Kết quả phỏng vấn cũng khẳng định hiệu quả học tập phụ thuộc vào mục đích sử dụng và khả năng tự định hướng. Những SV có kế hoạch học tập rõ ràng thường lựa chọn các kênh uy tín, lưu video, ghi chú từ mới và ôn tập định kỳ nên đạt kết quả tốt hơn. Ngược lại, những người sử dụng MXH chủ yếu để giải trí thường gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung và tính liên tục của quá trình học. Nhìn chung, nghiên cứu khẳng định MXH có ảnh hưởng tích cực đến việc học Tiếng Anh của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, đồng thời cũng đặt ra những thách thức về quản lý thời gian và tự học. Các nền tảng như YouTube, TikTok, Facebook và Instagram góp phần nâng cao động lực, phát triển từ vựng, kỹ năng nghe và giao tiếp nhưng chỉ phát huy hiệu quả khi được sử dụng có định hướng. Với lợi thế là SV ngành ngôn ngữ, người học có khả năng khai thác tốt các nguồn học liệu số, qua đó hỗ trợ việc học Tiếng Anh như ngoại ngữ thứ hai và nâng cao cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ ảnh hưởng của MXH đến việc học Tiếng Anh của SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại một trường đại học thông qua phương pháp nghiên cứu hỗn hợp với sự tham gia của 95 SV. Kết quả cho thấy MXH đã trở thành công cụ học tập phổ biến, trong đó YouTube, TikTok, Facebook và Instagram là những nền tảng được sử dụng nhiều nhất để hỗ trợ học Tiếng Anh ngoài lớp học. Tần suất sử dụng cao cùng nhận thức tích cực của người học cho thấy các nền tảng số ngày càng góp phần mở rộng môi trường học tập từ lớp học truyền thống sang trực tuyến.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy phần lớn SV đánh giá cao vai trò của MXH trong học Tiếng Anh. Các nền tảng này cung cấp nguồn ngữ liệu xác thực, tạo môi trường tiếp xúc với tiếng Anh thường xuyên, góp phần nâng cao động lực học tập, mở rộng vốn từ vựng, cải thiện kỹ năng nghe và tăng cường khả năng giao tiếp. Đối với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, tiếng Anh không chỉ là ngoại ngữ thứ hai trong chương trình đào tạo mà còn hỗ trợ học tập, nghiên cứu và mở rộng cơ hội nghề nghiệp. Với kinh nghiệm học ngoại ngữ, SV có khả năng lựa chọn và khai thác hiệu quả các nguồn học liệu trên MXH, qua đó nâng cao năng lực tự học và duy trì việc học ngoài lớp học.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hiệu quả của MXH phụ thuộc vào mục đích sử dụng và khả năng tự quản lý của người học. Nội dung giải trí, sự phân tán chú ý và thói quen học tập thiếu nhất quán vẫn là những rào cản làm giảm hiệu quả học Tiếng Anh. Vì vậy, MXH chỉ phát huy tối đa giá trị khi được sử dụng có định hướng, kết hợp với phương pháp học tập phù hợp và chiến lược tự học hiệu quả. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho việc tích hợp MXH vào dạy và học ngoại ngữ, đồng thời gợi mở giải pháp khai thác hiệu quả các nền tảng số trong giáo dục đại học.

4.2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng MXH trong việc học Tiếng Anh của SV: - *Đối với SV*: Cần xây dựng kế hoạch học tập, lựa chọn nguồn học liệu chất lượng và quản lý thời gian sử dụng MXH hợp lý để hạn chế các nội dung giải trí. Đồng thời, nên khai thác các tính năng như phụ đề, danh sách phát và tham gia các cộng đồng học tập trực tuyến để nâng cao hiệu quả tự học; - *Đối với GV*: Cần hướng dẫn SV sử dụng MXH như một công cụ hỗ trợ học tập và tích hợp các nền tảng như YouTube, TikTok, Facebook và Instagram vào hoạt động giảng dạy nhằm tăng tính tương tác và phát triển năng lực tự học; - *Đối với nhà trường*: Cần đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển học liệu số và tổ chức tập huấn về kỹ năng khai thác MXH trong dạy và học ngoại ngữ. Do nghiên cứu chỉ được thực hiện với SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại một trường đại học, kết quả còn hạn chế về khả năng khái quát. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi khảo sát và đánh giá hiệu quả của từng nền tảng MXH đối với các kỹ năng tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

- Al-Ali, S. (2014). *Embracing the selfie craze: Exploring the possible use of Instagram as a language m-learning tool*. Issues and Trends in Educational Technology, 2(2), 1-16.
- Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77-101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp0630a>.
- Greenhow, C., & Lewin, C. (2016). Social media and education: Reconceptualizing the boundaries of formal and informal learning. *Learning, Media and Technology*, 41(1), 6-30. <https://doi.org/10.1080/17439884.2015.1064954>.
- Junco, R. (2012). Too much face and not enough books: The relationship between multiple indices of Facebook use and academic performance. *Computers in Human Behavior*, 28(1), 187-198. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2011.08.026>.
- Kabilan, M. K., Ahmad, N., & Abidin, M. J. Z. (2010). Facebook: An online environment for learning of English in institutions of higher education? *The Internet and Higher Education*, 13(4), 179-187. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2010.07.003>.
- Kaplan, A. M., & Haenlein, M. (2010). Users of the world, unite! The challenges and opportunities of social media. *Business Horizons*, 53(1), 59-68. <https://doi.org/10.1016/j.bushor.2009.09.003>.
- Kietzmann, J. H., Hermkens, K., McCarthy, I. P., & Silvestre, B. S. (2011). Social media? Get serious! Understanding the functional building blocks of social media. *Business Horizons*, 54(3), 241-251. <https://doi.org/10.1016/j.bushor.2011.01.005>.
- Tashakkori, A., & Teddlie, C. (2010). *SAGE handbook of mixed methods in social & behavioral research* (2nd ed.). SAGE Publications.
- Tess, P. A. (2013). The role of social media in higher education classes (real and virtual): A literature review. *Computers in Human Behavior*, 29(5), A60-A68. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2012.12.032>.